

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24-06-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1999; căn cước công dân số: 031199000923; nơi cư trú: Tổ dân phố Hồ Bình, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1995; căn cước công dân số: 031095014963; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Hồ Bình, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Zbrojnická, 802/14, 405 02 Decin, Czech Republic (Cộng hoà Séc); vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 22 tháng 4 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T trình bày:

Chị Hoàng Thị Thu T kết hôn với anh Nguyễn Đức D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/3/2023. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm. Cuối năm 2023 anh D đi lao động tại Cộng hoà Séc với mong muốn thay đổi cuộc sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà còn trầm trọng hơn, thường xuyên cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh D đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức D. Chị và anh Nguyễn Đức D không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Hoàng Thị Thu T về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Anh D và chị T chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, không có tiếng nói chung. Mặt khác do anh D đi lao động ở nước ngoài nên tình cảm ngày càng xa cách, mâu thuẫn không thể hoà giải, hiện vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nên anh D đồng ý ly hôn chị T. Anh và chị Hoàng Thị Thu T không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh D đang ăn ở, sinh sống tại Cộng hoà Séc nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, hộ chiếu đều đã được hợp pháp hoá lãnh sự và uỷ quyền cho anh Hoàng Xuân Quyền thay anh D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, **Điều 469**, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản

1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D. Về con chung và tài sản chung các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao căn cước công dân; giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai, đơn đề nghị, giấy uỷ quyền của bị đơn đã được hợp pháp hoá lãnh sự, Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đức D hiện đang sinh sống tại Cộng hoà Séc nhưng là công dân Việt Nam, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức D.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm. Sau đó, anh D sang Cộng hoà Séc lao động với mong muốn tìm cơ hội cải thiện cuộc sống, tuy nhiên mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, tình cảm ngày càng xa cách, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị T xin ly hôn, anh D đồng ý. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005018 ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo trong hạn 01

tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

